

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2017/HCST**

Ngày: 11-8-2017

V/v: “*Kiến quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Văn Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Cảnh**

Bà **Trương Thị Trang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Minh Tân** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLST-HC ngày 15 tháng 02 năm 2017 về “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 28/2017/QĐST-HC ngày 25 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Phan P**, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Khối 02, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Thị Kim C**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đường P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn M** - Chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trương Văn T** - Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông **Trần Đình M**- chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N.

+ Ông **Phan Châu H** – chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ban Quản lý Khu kinh tế mở C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Xuân D**- chức vụ: Trưởng ban.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ H**- chức vụ: Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường Ban Quản lý khu kinh tế mở C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tại phiên toà, như sau:

Năm 2011, ông P nhận chuyển nhượng 01 lô đất tại thửa đất số 793, tờ bản đồ số 12, diện tích 195m², trong đó có 130m² đất ở tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Ngày 25-3-2013, UBND huyện N ban hành Quyết định số 963/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất ở của ông P để thực hiện công trình nâng cấp cải tạo tuyến đường ĐT 617, đến ngày 24-6-2013, UBND huyện N ban hành Quyết định số 3112/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, diện tích đất ở của ông P bị thu hồi nhưng chưa được bố trí tái định cư. Từ năm 2013 đến nay, ông P liên tục có đơn đề nghị gửi đến UBND huyện N, đề nghị giải quyết nhưng vẫn chưa giao đất tái định cư cho ông P, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P.

Theo biên bản bố trí đất tái định cư cho các hộ ngày 18-3-2014 với sự chứng kiến của UBND xã T, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N, Ban quản lý các dự án Đầu tư và Xây dựng huyện N thì ông P được các cơ quan chức năng của huyện và xã bố trí nhận đất ở lô K15, khu K, khu dân cư 617 (giai đoạn 2) thuộc xã T, huyện N.

Nhưng đến ngày 22-9-2016, UBND huyện N có Công văn số 1094/UBND-TNMT trả lời đơn của bà Phan Thị Kim C với nội dung không thống nhất bố trí tái định cư cho ông P. Vì vậy, ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án xử hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của UBND huyện N và buộc UBND huyện N bố trí cho ông P 01 lô đất tái định cư.

Tại văn bản số 296/UBND-TNMT ngày 23-3-2017 của UBND huyện N và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện tại phiên đối thoại, như sau:

Thực hiện Thông báo số 24/TB-UBND ngày 20-02-2012 của UBND huyện N về chủ trương thu hồi đất để xây dựng, nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐT 617 đoạn Km 0+00– Km 4+245. Trên cơ sở Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, UBND huyện đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng trong dự án, trong đó thu hồi đất không có nhà ở của ông Phan P. Đồng thời, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2841/QĐ-UBND ngày 14-6-2013, Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 01-7-2013 phê duyệt phương án bồi thường bằng tiền về đất ở cho ông Phan P và không được bố trí tái định cư. Ông Phan P đã nhận bồi thường bằng tiền, bàn giao mặt bằng để thi công công trình.

Sau khi nhận tiền bồi thường bằng tiền về đất ở, ông Phan P tiếp tục đề nghị bố trí tái định cư theo hình thức đổi đất. Ngày 14-9-2015, UBND huyện N có Công văn số 1053/UBND-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam về việc cho ý kiến bố trí tái định cư theo đề nghị của các ông Phan P. Trên cơ sở khoản 1 Điều 18 Thông tư 14/2009/TT-TNMT ngày 01-10-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; khoản 1 Điều 28 Quy định kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh. Ngày 09-10-2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam có Công văn số 1554/STNMT-QLĐĐ có nêu: Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do thu hồi đất hết đất ở có nhà ở mà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn thì đủ điều kiện bố trí tái định cư. Đối với việc thu hồi đất của ông

Phan P thì trên đất ở bị thu hồi không có nhà ở nên không giải quyết bố trí tái định cư là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, việc UBND huyện N ban hành Quyết định số 2814/QĐ-UBND ngày 14-6-2013, Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 01-7-2013 phê duyệt phương án bồi thường bằng tiền về đất ở, không giải quyết bố trí tái định cư cho ông Phan P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư 14/2009/TT-TNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 1 Điều 28 Quy định kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Ngày 12-4-2016, bà Phan Thị Kim C (*đại diện cho ông Phan P*) có đơn đề nghị UBND huyện trả lời lý do chậm trễ trong việc cấp Giấy CNQSDĐ và tái định cư cho ông Phan P. Ngày 22-9-2016, UBND huyện có Công văn số 1094/UBND-TNMT trả lời với nội dung: Vì ông Phan P không phải là đối tượng được bố trí đất tái định cư (*Đối tượng bị thu hồi hết đất ở có nhà ở mà không có chỗ ở nào khác trên địa bàn xã, phường, thị trấn*) nhưng đề nghị được cấp Giấy CNQSDĐ tái định cư là không có cơ sở; theo đó việc bà C cho rằng UBND huyện chậm trễ trong việc cấp Giấy CNQSDĐ tái định cư cho ông P là không có cơ sở để xem xét.

Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của UBND huyện N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-TNMT ngày 01-10-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và khoản 1 Điều 28 Quy định kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam nên việc ông P yêu cầu hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của UBND huyện N và buộc UBND huyện bố trí đất tái định cư sau khi bị giải tỏa đất ở không có nhà ở là không có cơ sở pháp lý.

Theo văn bản số 329/KTM-TNMT ngày 03-5-2017 của Ban Quản lý Khu kinh tế mở C và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, như sau:

Hộ ông Phan P khi thu hồi đất đã được bồi thường, hỗ trợ tại các phương án do UBND huyện N phê duyệt; tuy nhiên UBND huyện N không có quỹ đất để tái định cư nên đề nghị Ban quản lý Khu kinh tế mở C cho phép bố trí vào Khu dân cư đường ĐT 617 do Ban quản lý Khu kinh tế mở C làm chủ đầu tư. Ngày 06-3-2014, Ban quản lý Khu kinh tế mở C có Công văn số 80/KTM-TNMT thống nhất chủ trương bố trí đất tái định cư tại Khu dân cư đường ĐT 617 từ lô K-09 đến lô K-19 theo đề nghị của UBND huyện N. UBND huyện N có trách nhiệm kiểm tra, xem xét bố trí đất tái định cư đúng đối tượng, vị trí và thu tiền sử dụng đất theo quy định. Việc bố trí tái định cư cho ông Phan P do UBND huyện N thực hiện theo quy định hiện hành. Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-KTM ngày 17-4-2012 của Ban quản lý khu kinh tế mở C về ban hành quy định về đầu tư xây dựng và quản lý các khu tái định cư do Ban quản lý Khu kinh tế mở C làm chủ đầu tư, thì việc ông Phan P được bố trí đất tái định cư không thuộc thẩm quyền của Ban quản lý Khu kinh tế mở C.

Ý kiến của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người tham gia tố tụng cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án đầy đủ; đại diện người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa HĐXX đã hỏi đương sự và xác định rõ nội dung vụ án, tạo điều kiện cho đương sự tranh luận theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đã thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội

dung: Ông P được chính quyền địa phương xác nhận không có nhà ở, đất ở tại địa phương, thực tế đang ở nhờ nhà con gái. Việc thu hồi, bồi thường trước đây cũng đã thực hiện xong. UBND huyện N cho rằng ông P không thuộc đối tượng di dời nên không được bố trí tái định cư là không đúng với quy định tại Điều 42 Luật đất đai 2003 và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông P là có căn cứ chấp nhận, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phan P, xử hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22/9/2016 của UBND huyện N và buộc UBND huyện N tiến hành các thủ tục bố trí cho Phan Phùng 01 lô tái định cư theo đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Phan Thị Kim C không rút đơn khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của UBND huyện N về việc trả lời đơn kiến nghị của bà Phan Thị Kim C và buộc UBND huyện N bố trí cho ông Phan P (*do bà Phan Thị Kim C làm đại diện*) 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Như vậy, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

HĐXX xét thấy:

[1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 12-4-2016, bà Phan Thị Kim C có đơn kiến nghị UBND huyện N trả lời lý do chậm trễ trong việc cấp Giấy CNQSDĐ tái định cư cho các đối tượng bị giải tỏa đất ở thuộc phạm vi dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐT 617 đoạn Km 0+000 đến Km 4+245, giai đoạn 1 (*đợt 6*) tại xã T, huyện N (*trong đó có ông Phan P*). Ngày 22-9-2016, UBND huyện N có Công văn số 1094/UBND-TNMT trả lời bà C, với nội dung các ông, bà do bà C làm đại diện (*trong đó có ông P*) không phải là đối tượng được bố trí tái định cư, nhưng đề nghị được cấp Giấy CNQSDĐ đất tái định cư là không có cơ sở. Đến ngày 03-01-2017, ông P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của UBND huyện N và buộc UBND huyện N bố trí cho ông Phan P 01 lô đất tái định cư theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

[3]. Về những người tham gia tố tụng: Mặc dù Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của UBND huyện N trả lời đơn kiến nghị của bà Phan Thị Kim C, nhưng việc trả lời này căn cứ vào việc bà C đại diện cho các ông, bà Phan P, Phan Tiến L, Bùi Tấn D, Nguyễn Thị H, Bùi Tấn T, Bùi Chúc Vi L, Bùi V và Nguyễn My L để làm việc với các cơ quan chức năng huyện N liên quan đến việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thực hiện dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐT 617 đoạn Km 0+000 đến Km 4+245 giai đoạn 1 (*đợt 6*) tại xã T, huyện N mà những ông, bà nêu trên là những gia đình bị ảnh hưởng, khi khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án,

những ông, bà này tiếp tục ủy quyền cho bà C tham gia tố tụng. Vì vậy, không cần thiết phải đưa bà Phan Thị Kim C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xét thấy việc giải quyết vụ án sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của Ban quản lý Khu kinh tế mở C, nên ngày 24-4-2017, TAND tỉnh Quảng Nam có Thông báo số 179/TB-TA thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp và những người tham gia tố tụng về việc bổ sung Ban quản lý Khu kinh tế mở C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4]. Về pháp luật áp dụng: UBND huyện N thu hồi đất của ông Phan P vào tháng 03-2013, đến tháng 6-2013 UBND huyện N ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Phan P, thời điểm này Luật đất đai 2003 đang có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết vụ án.

[5]. Về nội dung: Năm 2011, ông Phan P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 793, tờ bản đồ số 12 tại thôn T, xã T, huyện N với diện tích 195m² (trong đó có 130m² đất ở và 65m² đất trồng cây hàng năm khác), đã được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ số BA 770125. Thực hiện dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐT 617 đoạn Km 0+000 đến Km 4+245 giai đoạn 1 (đợt 6) tại xã T, huyện N nên UBND huyện N ban hành Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 25-3-2013, thu hồi toàn bộ diện tích đất nêu trên của ông Phan P và Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 24-6-2013, bồi thường, hỗ trợ cho ông Phan P về đất với số tiền 21.450.000 đồng; ngoài ra không có cơ chế hỗ trợ nào khác.

Ông P bị thu hồi đất, nhưng không có nhà ở gắn liền với đất ở ổn định tại địa phương, đã được UBND thị trấn N xác nhận ngày 13-7-2012. Ngày 21-02-2014, UBND huyện N có Tờ trình số 29/TTr-UBND đề nghị Ban quản lý Khu kinh tế mở C cho phép bố trí đất tái định cư cho 08 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có ông Phan P) tại khu K – Khu dân cư ĐT 617 (giai đoạn 2). Ngày 06-3-2014, Ban quản lý Khu kinh tế mở C có Công văn số 80/KTM-TNMT thống nhất với chủ trương bố trí tái định cư theo đề nghị của UBND huyện N. Ngày 18-3-2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N phối hợp với Ban quản lý các dự án Đầu tư – Xây dựng huyện N và UBND xã T tổ chức bốc thăm đất tái định cư, trong đó ông Phan P bốc trúng thăm Lô số K 15 – Khu K – Khu dân cư ĐT 617 (giai đoạn 2). Ngày 21-4-2014, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện N lập biên bản giao cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện N các hồ sơ xin giao đất tái định cư và các giấy tờ liên quan đến việc giao đất tái định cư của 8 hộ gia đình, cá nhân (trong đó có ông Phan P). Đến ngày 14-9-2015, UBND huyện N có Công văn 1053/UBND-TNMT xin ý kiến về việc bố trí tái định cư đối với các hộ bị giải tỏa đất ở, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam trả lời tại Công văn số 1554/STNMT-QLĐĐ ngày 09-10-2015 với nội dung: “Căn cứ khoản 1 Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01-10-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; khoản 1 Điều 28 của Quy định kèm theo Quyết định 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở trên địa bàn tỉnh thì trường hợp thu hồi đất của 08 hộ dân (trong đó có ông Phan P), nhưng trên đất ở bị thu hồi không có nhà ở nên không giải quyết bố trí đất tái định cư”. Do đó, ngày 22-9-2016, UBND huyện N có Công văn 1094/UBND-TNMT trả lời bà C (người đại diện theo ủy quyền của ông Phan P) cho rằng việc không giải quyết bố trí tái định cư cho ông Phan P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01-10-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 1

Điều 28 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (*ban hành kèm theo Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND ngày 30-9-2010 của UBND tỉnh Quảng Nam*) và Công văn 1554/STNMT-QLĐĐ ngày 09-10-2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Xét thấy: Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01-10-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định “*Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở mà không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất bị thu hồi (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân không có nhu cầu tái định cư)*”, nên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam và UBND huyện N cho rằng trường hợp phải di chuyển chỗ ở là đất bị thu hồi phải có nhà ở, từ đó để không bố trí đất tái định cư cho ông Phan P.

Nhưng tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ quy định “*Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở mà không có chỗ ở nào khác thì được giao đất ở hoặc nhà ở tái định cư*”. Như vậy, quy định về điều kiện để được tái định cư tại 02 văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003 lại quy định không thống nhất với nhau. Theo nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thì Nghị định của Chính phủ có giá trị pháp lý cao hơn Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, UBND huyện N cho rằng trường hợp phải di chuyển chỗ ở là đất bị thu hồi phải có nhà ở, là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ và cũng không phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 42 Luật đất đai năm 2003 “*Người bị thu hồi loại đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng*”. Cho nên, cần áp dụng Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ để giải quyết tái định cư khi thu hồi đất của ông Phan P. Mặt khác, theo xác nhận của UBND thị trấn N, thì ông Phan P bị thu hồi hết đất ở và không còn đất ở ổn định tại địa phương, nên ông Phan P đủ điều kiện để được bố trí đất tái định cư.

Vì vậy, Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của UBND huyện N trả lời đơn của bà C với nội dung không bố trí đất tái định cư cho ông Phan P là không đúng quy định của pháp luật đã viện dẫn nêu trên, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của UBND huyện N và buộc UBND huyện N bố trí đất tái định cư cho ông Phan P theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên ông Phan P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, UBND huyện N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2015; Điều 42 Luật đất đai 2003, Điều 19 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan P.

Xử:

- Hủy Công văn số 1094/UBND-TNMT ngày 22-9-2016 của Ủy ban nhân dân huyện N về việc trả lời đơn kiến nghị ghi ngày 12-4-2016 của bà Phan Thị Kim C, trú tại khối 2, thị trấn N.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện N thực hiện hành vi hành chính bố trí đất tái định cư cho ông Phan P theo quy định của pháp luật.

Ông Phan P không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho ông P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu số 000457 ngày 15/02/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (*do bà Phan Thị Kim C nộp thay*).

Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 11-8-2017*), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các cơ quan THTT;
- Những người TGTT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Văn Long